

Bản án số: 53/2018/HSST

Ngày: 07/12/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thành Niên

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Thu

Bà Hoàng Thị Tám

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Trung – Thẩm tra viên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châm – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 12 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 53/2018/HSST ngày 15 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/ 2018/ HSST ngày 26 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Bùi Văn D - Sinh ngày 16/02/1999

Nơi cư trú: Xóm Yên L, xã p, huyện L, tỉnh Hòa Bình

Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không, trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Bùi Văn Q (đã chết) Con bà: Quách Thị H; Vợ, con: Chưa; gia đình có 03 anh, chị em, bị cáo là con thứ ba.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/07/2018 đến 16/7/2018. Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Đinh Công T, sinh năm 14/10/2000(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người đại diện bị hại: Bà Bùi Thị K (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng trú tại: Xóm Suối C, xã p, huyện L, tỉnh Hòa Bình

Bị đơn dân sự: Bạch Xuân H, sinh 15/04/2001(có mặt)

- Đại diện bị đơn dân sự: Ông Bạch Xuân H1 (có mặt)

Cùng trú tại: Hợp Th, xã p, huyện L, Hòa Bình

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Xuân Tr, sinh 1978 (vắng mặt)

Trú tại: Gò M, Hợp T, Mỹ Đ, Hà Nội

Bà: Bùi Thị K (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Xóm Suối C, xã p, huyện L, tỉnh Hòa Bình

Bà: Quách Thị H (có mặt)

Tú tại: Xóm Yên L, xã p, huyện L, tỉnh Hòa Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 00 phút, ngày 16/06/2018, khi Bùi Văn D đang chơi điện tử tại quán internet Đại Nghĩa, thuộc thôn Hợp Th, xã p, huyện L, tỉnh Hòa Bình thì có Bạch Xuân H là bạn của D đến nhờ D đưa về nhà, D đồng ý, nhưng do không có phương tiện nên bị cáo hỏi mượn chiếc xe mô tô của anh Đinh Công T, sau khi D hỏi mượn xe, anh T đồng ý nên đưa chìa khóa xe mô tô BKS 28G1- 155.19 cho Bùi Văn D, có xe Bùi Văn D điều khiển chở Bạch Xuân H về nhà, trong lúc cả hai đang đi trên đường thì Bạch Xuân H rủ D đi mua ma túy để sử dụng, D đồng ý sau đó chở H đến gặp anh Nguyễn Văn Tr1, sinh năm 1984, trú tại: La Đ, Hợp T, Mỹ Đ, Hà Nội để mua ma túy, Tại đây H bỏ ra 200.000đ để mua ma túy của anh Tr1, trên đường quay về, khi đi đến đoạn đường vắng, D và H dừng lại để sử dụng ma túy, sau khi sử dụng ma túy xong, D nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh T nên nói với H “ hay là mang xe T đi cầm cố” khi nghe D nói như vậy H đồng ý, sau đó cả hai mang xe mô tô của anh T đến quán karaoke Hương Đồng, thuộc La Đ, Hợp T, Mỹ Đ, Hà Nội gặp anh Nguyễn Văn Tr1 là người trước đó bán ma túy cho các bị cáo để đặt vấn đề cầm cố xe mô tô, anh Tr1 gọi điện thoại cho anh Trần Xuân Tr, sinh năm 1987, trú tại: Gò M, Hợp T, Mỹ Đ, Hà Nội đến, tại đây D, H đặt vấn đề và cầm cố chiếc xe mô tô trên cho anh Tr với giá 6.000.000đ, nhưng anh Tr chỉ đưa cho D, H số tiền 5.100.000đ, còn 900.000đ Tr giữ lại để trừ vào tiền lãi, có tiền H chia cho D 1.700.000đ, H giữ lại 3.400.000đ, số tiền trên D, H ăn tiêu cá nhân hết.

Đến ngày 10/7/2018, Bùi Văn D và Bạch Xuân H đến cơ quan Công an huyện L đầu thú.

Ngày 17/7/2018, chị Quách Thị H là mẹ đẻ Bùi Văn D đã chuộc lại chiếc xe trên với giá 6.000.000đ để trả cho chủ sở hữu.

Theo bản kết luận định giá tài sản ngày 18/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lương Sơn kết luận “Chiếc xe mô tô BKS 28G1- 155.19 nhãn hiệu honda RSX đã qua sử dụng có giá trị: 16.000.000đ”

Trong giai đoạn truy tố chờ xử lý, Bạch Xuân H bỏ trốn, do vậy VKS nhân dân huyện Lương Sơn đã yêu cầu truy nã, đồng thời ra các Quyết định tạm đình chỉ vụ

án, Quyết định tách vụ án hình sự, truy tố xét xử đối với Bùi Văn D trước, đối với Bạch Xuân H khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Bản cáo trạng số: 52/CT- VKSLS ngày 15/11/2018, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn truy tố: Bùi Văn D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 BLHS.

Kết thúc quá trình tranh tụng, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản như bản cáo trạng đã đề cập, về hình phạt đề nghị HĐXX áp dụng: khoản 1 Điều 175, điểm i,s,b khoản 1, 2 Điều 51, Điều 48, 65 BLHS xử phạt Bùi Văn D mức hình phạt từ 9 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và áp dụng thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

Về Trách nhiệm dân sự: Chiếc xe một tô BKS 28G1- 155.19 đã được thu hồi trả chủ sở hữu, nay người bị hại không có yêu cầu gì thêm, nên không đề cập.

Đối với số tiền 6.000.000đ, chị Quách Thị H đã bỏ ra để chuộc xe một tô trả cho bị hại, các bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả cho chị H, tại phiên tòa hôm nay chị H không yêu cầu Bùi Văn D trả cho chị, và yêu cầu Bạch Xuân H trả cho chị số tiền 3.000.000đ, yêu cầu của chị H là có căn cứ, nên đề nghị HĐXX buộc H phải trả số tiền trên cho chị H. Đối với số tiền 900.000đ anh Trần Xuân Tr thu tiền lãi của D và H, tại phiên tòa Bùi Văn D, Bạch Xuân H và chị Quách Thị H không yêu cầu anh Tr hoàn trả số tiền trên, nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Đề nghị tuyên buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bị cáo trình bày lời bào chữa, thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, Quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và của cơ quan tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về các hành vi và Quyết định tố tụng đó. Do vậy các hành vi và Quyết định tố tụng trên là hợp pháp.

[2] Về căn cứ buộc tội, gở tội, tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa hôm nay, Bùi Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai phù hợp lời khai người bị hại, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập, lời khai thể hiện: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 16/06/ 2018, trong lúc bị cáo chơi điện tử tại

quán internet Đại Nghĩa thuộc thôn Hợp Th, xã p, huyện L thì Bạch Xuân H đến nhờ bị cáo đưa về nhà, do không có phương tiện nên bị cáo mượn chiếc xe một tô BKS 28G1- 155.19 của anh Đinh Công T để đưa H về, sau đó bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của anh T nên bị cáo rủ H cùng thực Hiện, H đồng ý, sau đó cả hai đem xe một tô cầm cố cho anh Trần Xuân Tr lấy số tiền 6.000.000đ, anh Tr trừ tiền lãi 900.000đ, còn lại 5.100.000đ, H chia cho bị cáo 1.700.000đ, H hưởng 3.400.000đ, số tiền trên cả hai ăn tiêu cá nhân hết. Hành vi các bị cáo gây ra thỏa mãn cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 175 BLHS. Do đó HĐXX có đủ căn cứ kết luận Bùi Văn D phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 175 BLHS.

Việc bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ.

Xét Bùi Văn D là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật, xong vì mục đích cá nhân, bị cáo vẫn cố ý thực hiện dẫn đến phạm tội. Hành vi bị cáo gây ra xâm hại đến quyền sở hữu tài sản người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, góp phần làm gia tăng tội phạm trên địa bàn huyện Lương Sơn, do vậy cần xử lý nghiêm minh, có mức hình phạt tương xứng tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội bị cáo gây ra mới đảm bảo tác dụng giáo dục, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên xét tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội gây ra cho xã hội, nhân thân bị cáo thấy tội phạm do bị cáo gây ra thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội lần đầu, sau phạm tội đã ra đầu thú, quá trình điều tra, truy tố, xét xử có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, đã khắc phục toàn bộ hậu quả gây ra, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, do vậy HĐXX thấy chưa cần thiết áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù có điều kiện, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và đảm bảo tác dụng phòng ngừa tội phạm chung.

Xét vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án này thấy, đây là vụ án đồng phạm giản đơn, Bùi Văn D là người khởi sự, chủ động rủ rê đồng phạm khác thực hiện tội phạm, đồng thời cũng là người thực hành, hưởng lợi ít hơn Bạch Xuân H, H là người tham gia tội phạm với vai trò người thực hành tích cực, được hưởng lợi nhiều hơn, do đó D, H có vai trò ngang bằng nhau nên chịu trách nhiệm hình sự như nhau.

Đối với bạch Xuân H, do trong giai đoạn truy tố đã bỏ trốn, VKS đã có quyết định tách vụ án, nên HĐXX không đề cập trong vụ án này và được xem xét xử lý bằng vụ án khác.

Xét điều kiện, hoàn cảnh gia đình bị cáo, thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền cũng đảm bảo tác dụng giáo dục.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong vụ án này bị cáo có tình tiết tăng nặng đó là rủ rờ người chưa đủ 18 tuổi phạm tội quy định tại điểm 0 khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau phạm tội bị cáo ra đầu thú, có thái độ khai báo thành khẩn, tích cực khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình có hoàn cảnh khó khăn bố mất sớm, điều kiện giáo dục không đầy đủ quy định tại điểm i,s,b khoản 1, 2 Điều 51 BLHS.

Đối với đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX đã xem xét theo quy định pháp luật trong quá trình nghị án.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe một tô do các bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả chủ sở hữu, nay bị hại không có yêu cầu gì thêm, tòa không đề cập. Đối với số tiền 6.000.000đ chị H bỏ ra chuộc xe một tô, Bùi Văn D và Bạch Xuân H phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho chị H, Tại phiên tòa hôm nay, do D là con trai chị nên chị H không yêu D phải trả, và yêu cầu Bạch Xuân H phải trả cho chị một nửa số tiền trên bằng 3.000.000đ, yêu cầu của chị H là có căn cứ, nên cần buộc Bạch Xuân H hoàn trả cho chị H là phù hợp.

Đối với số tiền 900.000đ, anh Tr trừ tiền lãi của D và H khi cầm cố tài sản, tại phiên tòa Bùi Văn D, Bạch Xuân H và chị Quách Thị H không yêu cầu anh Tr hoàn trả số tiền trên, nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ các nhận định trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bùi Văn D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 175 BLHS, Điều 48, 65, điểm i,s,b khoản 1, 2 Điều 51 điểm 0 khoản 1 Điều 52 BLHS.

Xử phạt: Bùi Văn D 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Long Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp có thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Bạch Xuân H và người đại diện hợp pháp phải hoàn trả cho chị Quách Thị H số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng)

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bên được bồi thường có đơn yêu cầu mà bị cáo không bồi thường số tiền trên thì còn phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội về án phí, lệ phí tòa án. Buộc Bùi Văn D phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bạch Xuân H phải nộp 300.000đ án phí dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo Bùi Văn D, bị đơn dân sự Bạch Xuân H và người đại diện hợp pháp, chị Quách Thị H được quyền kháng cáo. Bị hại Đinh Công T và người đại diện hợp pháp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thành Niên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB
- VKSND tỉnh HB
- VKSND huyện Lương Sơn
- CQĐT, CQTHAHS huyện Lương Sơn
- Trại tạm giam
- THADS huyện Lương Sơn
- Bị cáo, BH, người liên quan
- Công thông tin điện tử TAND
- Lưu HSVA